TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST
Ngày: 31 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Mỹ H sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp SB, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trang Đức B; địa chỉ cư trú: ấpHG, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Cao Thị Mỹ H trình bày:

Vào ngày 02/03/2021 (al) chị có thu hoạch vụ lúa Đông Xuân, khi thu hoạch xong thì anh Trang Đức B đến mua lúa của chị. Sau khi hai bên thỏa thuận

giá cả thì anh B đồng ý mua của chị 18.048 kg lúa với giá 6.400 đồng/ 01 kg, tổng số tiền làm tròn là 115.500.000 đồng. Sau khi cân lúa xong thì anh B thuê ghe chở đi tiêu thụ, anh B đã trả cho chị số tiền 60.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền 55.500.000 đồng. Anh B hứa mấy ngày sau sẽ trả số tiền còn lại, chị đã nhiều lần điện thoại, gặp trực tiếp yêu cầu anh B thanh toán nhưng anh B vẫn hứa hẹn, không trả.

Ngày 14/12/2021, chị có làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp HG đưa vụ việc ra giải quyết, Ban lãnh đạo ấp đã mời anh B ba lần nhưng anh B lấy lí do bận công việc nên không đến tham dự hòa giải.

Nay, chị khởi kiện yêu cầu anh Trang Đức B phải trả ngay cho chị số tiền mua lúa còn nợ vốn gốc 55.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 4.440.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 59.940.000 đồng, chị không yêu cầu tính thêm tiền lãi cho đến ngày xét xử.

Bị đơn là anh Trang Đức B đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh B đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Cao Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trang Đức B trả số tiền mua lúa còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh B có địa chỉ nơi cư trú tại xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, đểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án

đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Thị Mỹ H xác định giữa chị và anh Trang Đức B có thỏa thuận việc mua bán lúa trong vụ lúa Đông Xuân năm 2021, theo đó anh B đồng ý mua lúa với giá 6.400 đồng/ kg. Việc thỏa thuận mua bán lúa giữa các bên không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng. Sau khi thu hoạch lúa, chị H đã cân lúa và bán cho anh B 18.048 kg lúa, tổng số tiền là 115.507.000 đồng, anh B đã thanh toán được số tiền là 60.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 55.507.000 đồng.

Anh B đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, cũng không có ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ do chị H cung cấp. Tuy nhiên, tại văn bản chứa đựng nội dung tin nhắn mạng xã hộ zalo giữa chị H và anh B ngày 02/7/2021 và 03/7/2021 thể hiện anh B xác định còn nợ chị H số tiền mua lúa là 55.500.000 đồng và hẹn 10 ngày kể từ ngày 03/7/2021 sẽ thanh toán cho chị H. Do đó, chị H yêu cầu anh B trả tiền mua lúa còn nợ vốn gốc là 55.500.000 đồng và lãi suất chậm trả là 4.440.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 439, Điều 440 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của chị H được chấp nhận toàn bộ nên chị không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh B chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 59.940.000 đồng x 5% = 2.997.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 439, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Mỹ H đối với anh Trang Đức B. Buộc anh B phải thanh toán cho chị H tiền mua lúa và lãi suất chậm trả còn nợ là 59.940.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm bốn chục nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận nên chị không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.498.500 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001617 ngày 14/02/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.997.000 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Cẩm Tú

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.